TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2020/DS-ST
Ngày: 03-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Bảy

2. Ông Nguyễn Quang Liêu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa***: Ông An Bắc Lừng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2020/TLST – DS, ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXX – ST ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Ông Lại Văn T, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 12, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Tr***:** Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1977 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu C, thị trấn D, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn:

- Chị Lâm Thị Kim L, sinh năm 1994 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Anh Tăng Khắc L, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 của ông Lại Văn T, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/4/2020 người đại diện theo ủy quyền của ông Tr là ông Nguyễn Thành Th trình bày:

Vào năm 2018, ông Lại Văn T có cho vợ chồng anh Tăng Khắc L, chị Lâm Thị Kim L vay nhiều lần với tổng số tiền 130.000.000đồng. Cụ thể như sau: Vào ngày 06/4/2018 cho vay 20.000.000 đồng, ngày 20/4/2018 cho vay 30.000.000 đồng, ngày 28/4/2018 cho vay 50.000.000 đồng, ngày 17/5/2018 cho vay 30.000.000 đồng. Khi vay có lập giấy vay tiền và không tính lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng.

Đến hạn trả nợ vợ chồng anh L, chị L không trả theo thỏa thuận nên nay ông Tr khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh L, chị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Tr số tiền vay gốc 130.000.000đồng và số tiền lãi chậm trả tạm tính là 34.762.500đồng. Cụ thể như sau:

Tiền lãi của số tiền 20.000.000đồng từ ngày 07/5/2018 đến ngày 07/5/2030 là 20.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 24 tháng= 5.400.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 30.000.000đồng từ ngày 20/5/2018 đến ngày 20/5/2020 là 30.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 24 tháng= 8.100.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 50.000.000đồng, từ ngày 29/5/2018 đến ngày 29/5/2020 là 50.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 24 tháng= 13.500.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 16/6/2018 đến ngày 16/5/2020 là 30.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 23 tháng= 7.762.500 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2020 và biên bản hòa giải ngày 05/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Th xác định lại thời hạn các bên thỏa thuận trả nợ theo như giấy vay tiền mà các bên đã lập như sau:

- Theo giấy vay tiền ngày 06/4/2018, ông Tr cho anh L, chị L vay số tiền 20.000.000đồng, thời hạn là 03 tháng từ ngày 06/4/2018 đến ngày 07/7/2018 trả.

- Theo giấy vay tiền ngày 20/4/2018 ông Tr cho anh L, chị L vay số tiền 30.000.000đồng, thời hạn trả nợ là 01 tháng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/5/2018 trả.

- Theo giấy vay tiền ngày 28/4/2018, ông Tr cho anh L, chị L vay số tiền 50.000.000đồng, thời hạn trả nợ là 03 tháng từ ngày 28/4/2018 đến ngày 28/7/2018 trả.

- Theo giấy vay tiền ngày 17/5/2018, ông Tr cho chị anh L, chị L vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi vay các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng nhưng do sơ suất nên ông Tr không ghi thời hạn trả nợ này vào giấy vay tiền.

Tuy nhiên, ông Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2020, buộc anh L, chị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Tr số tiền vay gốc 130.000.000đồng và số tiền lãi chậm trả tạm tính là 34.762.500đồng và yêu cầu trả một lần và không đồng ý trả trong nhiều lần.

Trong giấy vay tiền ghi tài sản bảo đảm là nhà đất cộng rẫy điều tại thôn 10, xã A, huyện B thực tế là không có tài sản này để làm bảo đảm khoản vay nên bên ông Tr không có yêu cầu gì đối với tài sản này.

Ngoài ra ông Tr không có bất cứ yêu cầu nào khác.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, 04 giấy mượn tiền. Ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Bị đơn anh Tăng Khắc L, chị Lâm Thị Kim L thống nhất trình bày:

Anh L, chị L thống nhất việc anh L, chị L có vay ông Lại Văn T 04 lần với tổng số tiền là 130 triệu đồng, khi vay các bên có lập giấy vay tiền với thời gian vay và thời hạn trả nợ như ông Tr và người đại diện theo ủy quyền của ông Tr trình bày. Tuy nhiên, khi vay có thỏa thuận lãi suất là 4000đồng/ 1.000.000đồng/01 ngày, chị L, anh L đã nhiều lần trả tiền lãi cho ông Tr nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu tiền. Việc thỏa thuận lãi suất và việc vợ chồng anh L, chị L trả lãi cho ông Tr thì không lập văn bản hoặc có người chứng kiến. Đến nay, anh L chị L vẫn chưa trả được khoản tiền gốc nào cho ông Tr. Nay ông Tr yêu cầu anh L, chị L phải trả số tiền vay gốc 130.000.000đồng và tiền lãi chậm trả 34.762.500đồng thì anh L, chị L đồng ý trả số tiền gốc 130.000.000 đồng cho ông Tr. Đối với số tiền lãi thì anh L, chị L chỉ đồng ý trả số tiền lãi theo quy định của pháp luật cho ông Tr.

Vì hiện nay anh L, chị L có hoàn cảnh khó khăn nên xin ông Tr được trả dần số tiền gốc và lãi cho ông Tr.

Theo các giấy vay tiền có ghi tài sản đảm bảo vay là nhà đất rẫy điều tại thôn 10, xã A, huyện B là ông Tr tự ghi chứ thực tế không có việc bảo đảm này và thực tế không có có tài sản này nên anh L, chị L không có yêu cầu, ý kiến gì về việc ghi này của ông Tr.

Chứng cứ cung cấp: Không

Tại phiên tòa cả nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Tăng Khắc L, chị Lâm Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho ông Lại Văn T số tiền gốc 130.000.000đồng và tiền lãi chậm trả là 24.644.000 đồng. Tổng là 154.644.000 đồng.

Chứng cứ của vụ án: Tài liệu khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai của đương sự, các giấy vay tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện anh Tăng Khắc L, chị Lâm Thị Kim L có hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước để yêu cầu anh L, chị L phải trả lại số tiền vay 130.000.000đồng và lãi suất chậm trả. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều

35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất nội dung:

- Ngày 06/4/2018, ông Tr cho anh L, chị L vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn là 03 tháng từ ngày 06/4/2018 đến ngày 07/7/2018 trả.

- Ngày 20/4/2018 ông Tr cho anh L, chị L vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 01 tháng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/5/2018 trả.

- Ngày 28/4/2018, ông Tr cho anh L, chị L vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 03 tháng từ ngày 28/4/2018 đến ngày 28/7/2018 trả.

- Ngày 17/5/2018, ông Tr cho chị anh L, chị L vay số tiền 30.000.000 đồng. Các bên có lập giấy vay tiền đề ngày 17/5/2018, có chữ ký của anh L, chị L. Thời hạn trả nơ là 03 tháng từ ngày 17/5/2018 đến ngày 17/8/2018 trả.

Tổng số tiền anh L, chị L vay ông Tr là 130 triệu đồng, việc vay tiền có lập giấy vay tiền viết tay. Hiện nay, anh L, chị L chưa trả được khoản tiền nào mặc dù đã quá hạn trả nợ. Như vậy, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là sự thật không phải chứng minh. Do đó, việc ông Tr khởi kiện buộc anh L, chị L trả cho ông Tr số tiền gốc đã vay là 130.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với việc thỏa thuận lãi suất khi vay và việc trả tiền lãi: Theo lời trình bày của ông Tr thì khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất nhưng anh L, chị L cho rằng khi vay có thỏa thuận lãi suất là 4.000đồng/ 1.000.000 đồng/ngày và anh L, chị L đã nhiều lần trả tiền lãi cho ông Tr.

Xét lời trình bày của các bên, thấy rằng: Tại các giấy vay tiền ngày 06/4/2018, ngày 20/4/2018, ngày 28/4/2018, ngày 17/5/2018 đều không thể hiện nội dung các bên thỏa thuận lãi suất, mặt khác chính anh L và chị L thừa nhận ngoài lời trình bày này ra thì anh L, chị L không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc các bên có thỏa thuận lãi suất và anh L, chị L đã trả tiền lãi cho ông Tr nhiều lần. Do đó, lời trình bày của anh L, chị L là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, có căn cứ xác định việc vay tổng số tiền 130.000.000 đồng giữa ông Tr với chị L, anh L không có lãi suất.

[4] Đối với số tiền lãi chậm trả: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả cho nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 1,125%/tháng là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; mặt khác, nguyên đơn xác định lại thời hạn trả nợ là đúng theo giấy vay tiền nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên căn cứ vào các giấy vay tiền ngày 06/4/2018, ngày 20/4/2018, ngày 28/4/2018, ngày 17/5/2018 thì tiền lãi được tính lại như sau:

- Đối với số tiền 20.000.000đồng vay ngày 06/4/2018, các bên thỏa thuận thời hạn là 03 tháng từ ngày 06/4/2018 đến ngày 07/7/2018 trả. Ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 08/7/2018 cho đến ngày nguyên đơn yêu cầu ngày 07/5/2020 là 24 tháng (02 năm). Tương đương số tiền lãi là: 20.000.000đồng x 10%/năm x 02 năm= 4.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 30.000.000đồng, các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 01 tháng từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/5/2018 trả. Ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 21/5/2018 cho đến ngày nguyên đơn yêu cầu ngày 21/5/2020 là 24 tháng (02 năm). Tương đương số tiền lãi là: 30.000.000đồng x 10%/năm x 2 năm= 6.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 50.000.000đồng, các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng từ ngày 28/4/2018 đến ngày 28/7/2018 trả. Ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 29/7/2018 cho đến ngày nguyên đơn yêu cầu ngày 29/5/2020 là 22 tháng. Tương đương số tiền lãi là: 50.000.000đồng x 0,833% x 22 tháng= 9.163.000 đồng.

- Đối với số tiền 30.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng tháng từ ngày 17/5/2018 đến ngày 17/8/2018 trả. Ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 18/7/2018 cho đến ngày nguyên đơn yêu cầu ngày 16/5/2020 là 21 tháng 28 ngày. Tương đương số tiền lãi là: 30.000.000đ x 0,833%/tháng x21 tháng 28 ngày= 5.481.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi anh L, chị L có nghĩa vụ phải trả cho ông Tr là 24.644.000 đồng.

[5] Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 130.000.000đồng và tiền lãi là 24.644.000 đồng. Tổng là 154.644.000 đồng.

[6] Phía bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền này cho nguyên đơn, tuy nhiên không được phía nguyên đơn chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 154.644.000 đồng trong một lần.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tr phải chịu đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 505.000đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 4.119.063 đồng theo biên lai thu số 0010186 ngày 23/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, hoàn trả lại cho ông Tr số tiền 3.614.000 đồng.

Anh L, chị L phải chịu 7.732.000 đồng.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Văn T.

Buộc anh Tăng Khắc L, chị Lâm Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho ông Lại Văn T số tiền gốc 130.000.000đồng và tiền lãi chậm trả là 24.649.000 đồng. Tổng là 154.644.000 đồng (*một trăm năm mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất nợ cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lại Văn T phải chịu đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 505.000đồng (*Năm trăm lẻ năm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 4.119.063 đồng theo biên lai thu số 0010186 ngày 23/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, hoàn trả lại cho ông Tr số tiền 3.614.000 đồng (*ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng*).

Anh Tăng Khắc L, chị Lâm Thị Kim L phải chịu 7.732.000 đồng (*bảy triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THA huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Đào